**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần:** KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG

**Mã số: FTT331**

**Số tín chỉ: 03**

**Giảng dạy cho CTĐT: Quản trị Marketing**

**Khoa : Quản trị kinh doanh**

**Bộ môn phụ trách : Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**

**Thái Nguyên, 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD  **KHOA**: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**  **Bộ môn phụ trách**: **Logistics và QLCCU** |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương**;  **Mã học phần**: **FTT331**

**2. Tên Tiếng Anh:** **Foreign Trade Techniques**

**3. Số tín chỉ:** 3 **Tín chỉ (2/1/6)** (2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành/thảo luận, 6 tín chỉ tự học)

**Giảng dạy cho CTĐT: Quản trị Marketing**

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học tiên quyết: ......................................................................................

Môn học trước : ……………..……………………………………………

Khác: ……………………………………………………………………..

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | ThS. Dương Thị Thúy Hương | 0912.580.135 | [duonghuongqtkd@tueba.edu.vn](mailto:duonghuongqtkd@tueba.edu.vn) |  |
| 2 | ThS. Chu Thị Kim Ngân | 0943.693.456 | [ctkngan@tueba.edu.vn](mailto:ctkngan@tueba.edu.vn) |  |
| 3 | TS. Phạm Thị Thanh Mai | 0912.804.979 | [maiptt@tueba.edu.vn](mailto:maiptt@tueba.edu.vn%20) |  |
| 4 | TS. Đặng Trung Kiên | 0985.552.641 | dtkien@tueba.edu.vn |  |
| 5 | TS. Nguyễn Thị Ngọc Dung | 0988.697.422 | [nttdung@tueba.edu.vn](mailto:nttdung@tueba.edu.vn) |  |

**6. Mô tả học phần**

Học phần Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương là một môn học cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế, các nghiệp vụ giao dịch và thanh toán trên thị trường ngoại thương. Đó là các phương thức hay được dung trong giao dịch ngoại thương. Các tập quán thương mại quốc tế mà nó đã trở thành các điều kiện thương mại quốc tế được áp dụng rộng rãi. Các nội dung liên quan đến việc ký kết hợp đồng thương mại quốc tế cũng như các công việc cần chuẩn bị cho một quá trình giao dịch. Các nghiệp vụ, chứng từ thanh toán quốc tế và quá trình giao dịch ngoại thương được diễn ra như thế nào. Cùng với việc cung cấp cho người học các kiến thức kinh doanh ngoại thương, các cách thức tiến hành một thương vụ kinh doanh quốc tế thì môn học cũng góp phần giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý các nghiệp vụ ngoại thương, quản lý các giao dịch kinh doanh quốc tế.

**7. Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả**  ***(Goal description)***  *Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT Quản trị Marketing** | **Trình độ năng lực** |
| **CO1** | Trang bị cho sinh viên ngành những kiến thức cơ bản những vấn đề khái quát nhất về kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương như khái niệm, bản chất, vai trò và giới thiệu các loại nghiệp vụ hiện có trên thế giới trong kinh doanh ngoại thương, các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các nghiệp vụ giao dịch ngoại thương và các văn bản pháp lý hướng dẫn việc thực hiện các nghiệp vụ ngoại thương. | PLO1: 1.4, 1.5 | 3 |
| **CO2** | Xây dựng được kế hoạch để thực hiện các công việc kinh doanh ngoại thương từ cấp doanh nghiệp đến các cấp cao. Từ cấp vi mô đến cấp vĩ mô. | PLO2: 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 | 3 |
| **CO3** | Thể hiện sự yêu thích, đam mê tìm hiểu những vấn đề liên quan đến môn học. Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng. | PLO3: 3.2, 3.3 | 3 |

**8. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể* | **Chuẩn đầu ra CTĐT Quản trị Marketing** | **Trình độ năng lực** |
| **CLO1** | Hiểu được các khái niệm cơ bản về Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương | PLO1: 1.4 | 2 |
| **CLO2** | Vận dụng được kiến thức để xác định các phương thức giao dịch mua bán quốc tế phù hợp, lựa chọn được điều kiện thương mại quốc tế, phương thức và phương tiện thanh toán quốc tế thích hợp. | PLO1: 1.4, 1.5 | 3 |
| **CLO3** | Áp dụng được kiến thức để lập được hợp đồng thương mại quốc tế phù hợp và tính toán được các chi phí phát sinh trong hợp đồng: chi phí bảo hiểm, chi phí vận tải, chi phí thuế xuất nhập khẩu | PLO1: 1.4, 1.5 | 3 |
| **CLO4** | Sử dụng cácphương pháp để làm rõ các kỹ năng nghiệp vụ cần thiết cơ bản áp dụng trong kinh doanh xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp trong từng trường hợp cụ thể. | PLO1: 1.5, PLO2: 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 | 4 |
| **CLO5** | Làm chủ được quá trình giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Tich cực làm việc nhóm và trong học tập. Tự đọc tài liệu theo hướng dẫn, gợi ý của giảng viên; Tổng hợp, đưa ra kết luận và đề xuất được giải pháp cho những vấn đề cơ bản về nghiệp vụ ngoại thương cho doanh nghiệp. | PLO1: 1.5, PLO2: 2.2, 2.3, PLO3: 3.2, 3.3 | 3 |

**Mối tương thích giữa CĐR học phần với Triết lý giáo dục của**

**Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung của triết lý giáo dục** | | **CĐR học phần** |
| ***Sáng tạo*** | Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp | CLO4; CLO5 |
| ***Thực tiễn*** | Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người | CLO3; CLO4; CLO5; |
| ***Hội nhập*** | Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT QT MKT** | | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **1.5** | **1.6** | **1.7** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** |
| CLO1 |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  | R | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  | R | R |  |  |  | R | I | I | R |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  | R |  |  |  | R | I |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  | R |  |  |  | R | I |  |  |  | R | I |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Hoàn thành các bài tập được giao.

- Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận*** *(nếu có)*

- Hoàn thành các bài thực hành của học phần.

- Hoàn thành các bài tiểu luận theo yêu cầu.

***9.3. Phần khác*** *(nếu có):*

**10. Tài liệu học tập**

***10.1 Sách, giáo trình chính***

1. Giáo trình Nghiệp vụ ngoại thương –TS. Phạm Thị Thanh Mai (Chủ biên) – Đại học Kinh tế và QTKD Thái Nguyên.
2. Giáo trình Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương – PGS. Vũ Hữu Tửu (chủ biên). Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội - 2007.

***10.2. Tài liệu tham khảo***

1. PGS. TS. Nguyễn Thị Hường, TS. Tạ Lợi (chủ biên). ***Giáo trình Nghiệp vụ Ngoại thương - Lý thuyết và thực hành***. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội - 2007.

2. GS-TS Võ Thanh Thu, ***Hỏi đáp về Incoterms 2010****,* NXB TP. Hồ Chí Minh – 09/2011

3. GS Đinh Xuân Trình, PGS.TS Đặng Thị Nhàn. ***Giáo trình Thanh toán quốc tế***. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội - 2011

4. PGS. TS. Đoàn Thị Hồng Vân (chủ biên). ***Giáo trình Kỹ thuật Ngoại thương. Nhà xuất bản Thống kê***. Hồ Chí Minh - 2005.

5. PGS. Đinh Xuân Trình. ***Giáo trình Thanh toán Quốc tế trong Ngoại thương***. Nhà xuất bản Giáo dục - 1998

6. ***Các Điều kiện Thương mại Quốc tế (Incoterms 2000)***. Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật - 2007.

7. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (ICC). ***Hướng dẫn sử dụng INCOTERMS 2020***.

8. ***Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu***. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/12/1991.

9. PGS. TS Võ Thanh Thu. ***Hỏi đáp về Kỹ thuật thực hành kinh doanh Xuất nhập khẩu***. Nhà xuất bản Thống kê – 2000.

10. PGS. TS Võ Thanh Thu. ***Hỏi đáp về Incoterms 2010***. Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh – 2011.

11. ***Luật Thương mại***. Nhà xuất bản Lao động – 2005.

12. ***Luật đấu thầu***. Nhà xuất bản Lao động - 2007.

13. ***Website***:http://www.vi.wikipedia.com

http://www.vneconomy.vn

http://www.vnmedia.vn

http://www.ngoaithuong.vn

http://www.doanhnhan360.com

http://www.giaoduc.edu.vn

http://www.statistic.com.us

<http://www.economist.com>

**11. Phương pháp giảng dạy - học tập**

***- Phương pháp giảng dạy - học tập của học phần***

Các phương pháp giảng dạy - học tập chính của học phần KTNVNT bao gồm: Chiến lược dạy học trực tiếp, chiến lược dạy học gián tiếp, dạy học tương tác và tự học, cụ thể như sau:

**I. Chiến lược dạy học trực tiếp**

1. Thuyết trình: Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thình thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

2. Giải thích cụ thể: Giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

**II. Chiến lược dạy học gián tiếp**

3. Câu hỏi gợi mở: Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

4. Giải quyết vấn đề: Người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

**III. Dạy học tương tác**

5. Tranh luận: Giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

6. Thảo luận: Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

7. Học nhóm: Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

**IV.Tự học**

8. Bài tập ở nhà: Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

**Ma trận quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và phương pháp giảng dạy - học tập**

| **Các CĐR của học phần** | **Trình độ năng lực** | **Phương pháp giảng dạy - học tập** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuyết giảng | Giải thích cụ thể | Câu hỏi gợi mở | Giải quyết vấn đề | Tranh luận | Thảo luận | Học nhóm | Bài tập ở nhà |
| CLO1 | **2** | x | x | x |  |  |  |  |  |
| CLO2 | **3** | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 | **3** | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 | **4** |  |  | x | x | x | x | x | x |
| CLO5 | **3** |  |  | x | x | x | x | x | x |

**12. Nội dung giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy**  *(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **Chuẩn đầu ra học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp dạy học** *(Thuyết giảng, thảo luận nhóm...)* | **Phương pháp đánh giá**  *(Kiểm tra quá trình, trắc nghiệm, thuyết trình nhóm,...)* |
| 1 | Giới thiệu chung về học phần |  |  | Thuyết giảng | - |
| **2-3** | **Chương 1: Tổng quan về Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương** |  |  |  | - |
|  | 1.1.Một số vấn đề chung về KTNVNT  1.1.1. Khái niệm và vai trò của ngoại thương  1.1.2. Khái niệm và bản chất của NVNT  1.1.3.Vai trò của KTNVNT | CLO1; | PLO1: 1.4 (I), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I), PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận | - |
|  | 1.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của môn học.  1.3. Nội dung cơ bản của môn học KTNVNT |
|  | **Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 1 được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 2 | CLO4;  CLO5 |  | Thảo luận, học nhóm, tự học | Kiểm tra vấn đáp |
| **4-9** | **Chương 2: Các phương thức giao dịch trong ngoại thương** |  | PLO1: 1.4 (I), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I), PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận | - |
| … | 2.1. Mua bán thông thường  *2.1.1. Khái niệm*  *2.1.2. Đặc điểm*  *2.1.3. Các loại mua bán thông thường* | CLO1;  CLO5 |  |
|  | 2.2. Mua bán đối lưu  2.3. Tái xuất khẩu  2.4. Gia công quốc tế | Thuyết trình nhóm; báo cáo tiểu luận; Kiểm tra quá trình |
|  | **Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 2 được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 3 |  |  | Thảo luận, học nhóm, tự học | Kiểm tra viết, online |
| **10-15** | **Chương 3: Các điều kiện thương mại quốc tế Incoterms** | CLO1,  CLO2,  CLO5 | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I), PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình  - |
|  | 3.1.Tổng quan về Incoterms |
|  | 3.2. Lịch sử hình thành và phát triển  3.3.Nội dung Incoterms 2010 |
|  | **Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 3 được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 4 |  | Thảo luận, học nhóm, tự học | Kiểm tra trắc nghiệm |
| **16-21** | **Chương 4: Thanh toán quốc tế** |  | - PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I), 2.4 (I), 2.5 (R) |  |  |
|  | 4.1. Các loại tiền thường sử dụng trong TTQT | CLO2,  CLO3,  CLO4 | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận | Trắc nghiệm; kiểm tra quá trình |
|  | 4.2.Phương tiện thanh toán quốc tế  4.3. Phương thức thanh toán quốc tế |  | - |
|  | **Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 4 được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 5 |  |  | Thảo luận, học nhóm, tự học | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình. |
| **22-24** | **Chương 5: Bảo hiểm hàng hóa trong ngoại thương**  5.1 Khái niệm, các hình thức bảo hiểm trong ngoại thương  5.2 Sản phẩm và thị trường hàng hóa trong ngoại thương  5.3 Nghiệp vụ mua bảo hiểm trong ngoại thương | CLO2,  CLO3,  CLO4 | - PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I), 2.4 (I), 2.5 (R) | Thảo luận, học nhóm, tự học | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình. |
|  | **Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 5 được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 6 |  |  |  |  |
| **25-30** | **Chương 6: Giao dịch và đàm phán ký kết HĐNT** |  | - PLO1: 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I); PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) |  |  |
|  | 6.1. Những công việc trước khi giao dịch  6.2. Quảng cáo và nhãn hiệu hàng hóa trong ngoại thương  6.3. Đàm phán ký kết hợp đồng ngoại thương | CLO4,  CLO5, | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận | Thuyết trình nhóm; báo cáo tiểu luận; Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 6 được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 7 |  | Thảo luận, học nhóm, tự học | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình. |
| **31-39** | **Chương 7: Hợp đồng ngoại thương** |  | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I), 2.4 (I), 2.5 (R), PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, tình huống, thảo luận | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình. |
|  | 7.1. Giới thiệu khái quát về HĐNT  7.2. Các điều khoản trong HĐNT | CLO3,  CLO4,  CLO5 |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 7 được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 8 |  | Thảo luận, học nhóm, tự học | Trắc nghiệm; Kiểm tra quá trình. |
| **40-42** | **Chương 8: Bộ chứng từ trong xuất nhập khẩu** | CLO3,  CLO4,  CLO5 | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I), 2.4 (I), 2.5 (R), PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Thảo luận, học nhóm, tự học |  |
|  | 8.1. Hóa đơn thương mại  8.2. Vận đơn  8.3. Phiếu đóng gói hàng hóa  8.4. Chứng từ bảo hiểm  8.5. Giấy chứng nhận phẩm chất và số lượng  8.6. Giấy chứng nhận xuất xứ  8.7 Giấy chứng nhận kiểm dịch và giấy chứng nhận hun trùng | Thuyết trình nhóm; báo cáo tiểu luận; Kiểm tra quá trình |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 8 được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 9 |  |  | Thảo luận, học nhóm, tự học | Thực hành lập bộ chứng từ |
| **43-45** | **Chương 9: Vận tải và giao nhận hàng hóa trong ngoại thương** |  | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I), 2.4 (I), 2.5 (R) |  |  |
|  | 9.1. Vận tải trong ngoại thương  9.2 Giao nhận hàng hóa trong ngoại thương  9.3 Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa vận chuyển bằng đường biển  9.4 Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không | CLO3,  CLO4 | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, tình huống, thảo luận | Thuyết trình nhóm; báo cáo tiểu luận; Kiểm tra quá trình |
|  |
|  |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 9được giao  +Chuẩn bị các nội dung của chương 10 |  | Thảo luận, học nhóm, tự học | Kiểm tra trắc nghiệm online |
| **46-48** | **Chương 10: Thuế xuất khẩu, nhập khẩu và mã hóa hàng hóa** |  | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I), 2.4 (I), 2.5 (R), PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, tình huống, thảo luận |  |
|  | 10.1. Đối tượng nộp thuế  10.2. Trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu  10.3. Tỷ giá xác định trị giá tính thuế, đồng tiền nộp thuế  10.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế  10.5. Đọc hiểu và sử dụng biểu thuế xuất nhập khẩu  10.6 Hệ thống hài hòa mô tải và mã hóa hàng hóa | CLO3;  CLO4;  CLO5 | - |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 10 được giao |  |  | Thảo luận, học nhóm, tự học | Thực hành lập bộ chứng từ |
|  |  |  |  |  |  |
| **49-54** | **Chương 11: Quy trình, thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu** |  | PLO1: 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I); PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, tình huống, thảo luận |  |
|  | 11.1. Giới thiệu Tổng cục Hải quan và các cơ quan trực thuộc  11.2. Quy trình thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu  11.3. Quy tình mở tờ khai xuất nhập khẩu điện tử  10.4. Giới thiệu phần mềm VNACC/VCIS khai báo tờ khai nhập khẩu | CLO4;  CLO5 | - |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**  + Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 11 được giao |  |  | Thảo luận, học nhóm, tự học | Thực hành lập bộ chứng từ |

**13. Phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá**

***13.1. Các phương pháp đánh giá***

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong học phần KTNVNT được chia thành 3 loại chính là: đánh giá theo tiến trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

**\* Đánh giá tiến trình:**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập nhóm và kiểm tra thường xuyên.

**\* Đánh giá giữa kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm giữa học kỳ. Phương pháp đánh giá giữa học kỳ là Kiểm tra viết.

**\* Đánh giá cuối kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm cuối học kỳ. Các phương pháp đánh giá cuối kỳ sử dụng là kiểm tra viết.

***13.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Trình độ năng lực** | **Đánh giá tiến trình (30%)** | **Đánh giá Giữa kỳ (20%)** | **Đánh giá Cuối kỳ (50%)** |
| CLO1 | **2** | X | x | x |
| CLO2 | **3** | X | x |  |
| CLO3 | **3** | X | x | x |
| CLO4 | **4** | X | x | x |
| CLO5 | **3** | X |  | x |

**Tiêu chí đánh giá 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(5.5-6.9)** | **(7.0-8.4)** | **(8.5-8.9)** | **(9,0-10,0)** |
| **Số tiết** | Đi học  (<80%) | Đi học (<81-85%) | Đi học ít chuyên cần  (86-90%) | Đi học chuyên cần  (91-95%) | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (96-100%) | **50%** |
| **Đóng góp tại lớp** | Không tham gia hoạt động nào tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp.  Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.  Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.  Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |

**Tiêu chí đánh giá 2: Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(0.25-4.0)** | **(4.1-6.0)** | **(6.1-8.0)** | **(8.1-10,0)** |
| Làm việc nhóm | Không xác định nhiệm vụ và đánh giá không chính xác cho các thành viên. Không tổ chức làm việc nhóm.  Không nộp bài tập nhóm | Xác định nhiệm vụ không rõ ràng và đánh giá không chính xác cho các thành viên. Hiếm khi làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm muộn | Xác định nhiệm vụ khá rõ ràng đánh giá khá chính xác cho các thành viên. Thỉnh thoảng làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Xác định nhiệm vụ rõ ràng và đánh giá chính xác cho các thành viên. Thường xuyên làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Xác định nhiệm vụ rõ ràng và đánh giá chính xác cho các thành viên. Thường xuyên và tích cực làm việc nhóm.  Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước) | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý | **20%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập. | Nội dung bài tập không đầy đủ và không thuyết trình được theo yêu cầu. Một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý và thuyết trình chưa tốt theo yêu cầu. Còn một số sai sót trong nội dung. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình tốt theo yêu cầu. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình rất tốt theo yêu cầu. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **60%** |

**Tiêu chí đánh giá 3: Bài tập cá nhân**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(0.25-4.0)** | **(4.1-6.0)** | **(6.1-8.0)** | **(8.1-10.0)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp bài tập đạt 70% khối lượng được giao.  Tất cả các bài chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao).  Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao).  Đúng thời gian quy định | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước) | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý | **20%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong nội dung | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý | **60%** |

**Tiêu chí đánh giá 4: Kiểm tra viết**

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

***13.3. Hệ thống tính điểm***

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Điểm đánh giá bộ phận gồm:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

+ Điểm thi giữa học phần: 20%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 50%

***13.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá***

| **Hình thức kiểm tra/đánh giá** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR học phần được đánh giá** | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ %** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|
|
| Chuyên cần | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | CLO4; CLO5 | PLO1: 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I); PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | **5** |
| Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | CLO3; CLO4; CLO5; | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R), 2.3 (I), 2.4 (I), 2.5 (R); PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | **5** |
| Bài tập cá nhân | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | CLO4; CLO5; | PLO1: 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R) , 2.3 (I); PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | **5** |
| Kiểm tra thường xuyên | Chương 1,2 | Tiết 10 | CLO1; CLO2; | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R) | Viết | Đề kiểm tra | 5 |
| Chương 3,4,5 | Tiết 25 | CLO3; CLO4; CLO5: | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R), 2.3 (I), 2.4 (I), 2.5 (R); PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Viết | Đề kiểm tra | 5 |
| Chương 6,7,8,9 | Tiết 46 | CLO4; CLO5; | PLO1: 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R), 2.3 (I); PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Viết | Đề kiểm tra | 5 |
|  | Chương 10,11 | Tiết 52 | CLO4; CLO5; | PLO1: 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R), 2.3 (I); PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Viết | Đề kiểm tra | 5 |
| Kiểm tra giữa học phần | Chương 1,2,3,4 | Tiết 30, 31, 32 | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R), 2.3 (I), 2.4 (I), 2.5 (R); PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Viết | Đề kiểm tra | 20 |
| Thi kết thúc học phần | Nội dung bao quát tất cả các CĐR quan trọng của môn học. | Theo KH của phòng ĐT | CLO1;  CLO2 CLO3; CLO4; CLO5; | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (R); PLO2: 2.2 (R), 2.3 (I), 2.4 (I), 2.5 (R); PLO3: 3.2 (R); 3.3 (I) | Viết | Đề thi | 50 |
| Thời gian làm bài 90 phút. *(Không được sử dụng tài liệu).* |

***13.5. Bảng đối chiếu các CĐR học phần được đánh giá***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | | | | | | **Phương pháp/Công cụ kiểm tra, đánh giá** | | |
| **Chuyên cần** | **Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm** | **Bài tập cá nhân** | **Bài kiểm tra TX** | **Đánh giá Giữa kỳ** | **Đánh giá Cuối kỳ** | **Câu hỏi** | **Bài tập** | **Điểm số** |
| CLO1 | x | x |  | x | x | x | x |  | x |
| CLO2 | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO5 | x | x | x |  |  |  | x | x |  |

**14. Các yêu cầu đối với sinh viên**

Các bài tập và câu hỏi ở nhà phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình.

**15. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**16. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  |  |  |
|  | **TS. Phạm Văn Hạnh** | **TS. Phạm Thị Thanh Mai** | **Chu Thị Kim Ngân** |

**16. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ngày 27 tháng 3 năm 2022. | **Chu Thị Kim Ngân**  Trưởng Bộ môn:  **Phạm Thị Thanh Mai** |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Bộ môn: |